



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 94 + 95

Ngày 15 tháng 7 năm 2022

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

22-6-2022- Quyết định số 2122/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải.

2

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2122/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4968/TTr-SGTVT ngày 24 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 05 quy trình mới và 15 quy trình nội bộ sửa đổi, bổ sung, thay thế về giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP tại các cơ quan, đơn vị.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ quy trình số 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 ban hành kèm theo Quyết định số 5111/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

STT	TÊN QUY TRÌNH TTHC	GHI CHÚ
Lĩnh vực đường bộ		
I. Quy trình mới		
1.	Cấp, cấp lại Giấy phép đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	
2.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	
3.	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	
4.	Điều chỉnh tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	
5.	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	
II. Quy trình thay thế		
6.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	
7.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định GMS	
8.	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia đối với phương tiện phi thương mại	
9.	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các	

	công trình dự án hoặc hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tại Lào	
10.	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại	
11.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	
12.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	
13.	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải hành khách tuyến cố định	
14.	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại	
15.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	
16.	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	
17.	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải	
18.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải do thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh vận tải	
19.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải do bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng	
20.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải do bị mất hoặc bị hư hỏng	

QUY TRÌNH 1**Cấp, cấp lại Giấy phép đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam và Lào (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Phương án kinh doanh vận tải (theo mẫu)	01	Bản sao hoặc bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ VIỆC

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định ¹	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Đơn vị kinh doanh vận tải	Giờ hành chính	Theo mục I	Đơn vị kinh doanh vận tải theo mục I (nộp trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		BM 01 BM 02	- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ

¹ Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong **thời hạn 01 ngày làm việc** kể từ ngày nhận hồ sơ.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				BM 03	<p>theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo BM 03.
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn thẩm định hồ sơ
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải đường bộ	01 ngày làm việc (08 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ. - Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp phép, nêu rõ lý do - Trình lãnh đạo Phòng xem xét

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B4	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải đường bộ	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo Giấy phép hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký nháy vào giấy phép hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển trình lãnh đạo Sở duyệt ký.
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Giấy phép hoặc Văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở xem xét ký ban hành giấy phép hoặc Văn bản từ chối
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Photo, đóng dấu giấy phép hoặc Văn bản từ chối - Chuyển giấy phép hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở. - Chuyển hồ sơ theo mục I đến Phòng Quản lý Vận tải đường bộ
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
5	BM 05	Mẫu Phương án kinh doanh vận tải

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
5	BM 05	Mẫu Phương án kinh doanh vận tải
6	//	Sổ theo dõi hồ sơ
7	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Luật số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc Hội về Giao thông đường bộ.

- Nghị định thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt

Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 15 tháng 9 năm 2010.

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

BM 04

Mẫu số 01. Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY
PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:

.....

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: Ngày cấp:

.....

Cơ quan cấp:

5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào như sau:

- Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....

.....

.....

.....

- Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, nêu rõ lý do):

.....

.....

..., ngày ... tháng... năm...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02. Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
VẬN TẢI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

PHƯƠNG ÁN
KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

I. TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách cố định, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

II. PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a) Kinh doanh vận tải hành khách cố định.

- Tuyển khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b) Phương án kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải du lịch.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa thông thường...).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

QUY TRÌNH 2**Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị gia hạn (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Giấy phép liên vận ASEAN	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ VIỆC

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Đơn vị kinh doanh vận tải	Giờ hành chính	Theo mục I	Đơn vị kinh doanh vận tải theo mục I (nộp trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		BM 01 BM 02 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, hướng

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo BM 03.
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải đường bộ	01 ngày làm việc (08 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối	- Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ. - Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp phép, nêu rõ lý do - Trình lãnh đạo Phòng xem xét
B4	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải đường bộ	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo Giấy phép hoặc văn bản từ chối	- Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký nháy vào giấy phép hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển trình lãnh đạo Sở duyệt ký.
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Giấy phép	Lãnh đạo Sở xem xét ký ban hành giấy phép hoặc

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
			(02 giờ)	hoặc Văn bản từ chối	Văn bản từ chối
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Photo, đóng dấu giấy phép hoặc Văn bản từ chối - Chuyển giấy phép hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở. - Chuyển hồ sơ theo mục I đến Phòng Quản lý Vận tải đường bộ
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam
5	//	Sổ theo dõi hồ sơ
6	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Luật số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc Hội về Giao thông đường bộ.

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

BM 04

Mẫu số 05. Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

To: Department of Transport of..... province

1. Người xin gia hạn (*Applicant Name*):2. Địa chỉ: (*Address*)3. Số điện thoại: (*Telephone number*) Số Fax/Địa chỉ email: (*Fax number/Email address*)4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of to extend the operation period in Viet Nam for the following vehicle(s):*- Biển số xe (*Registration number*):- Giấy phép liên vận ASEAN số (*ASEAN Vehicle Cross-border Transport Permit number*) được cấp bởi (*issued by*) vào ngày (*on the date of*) (dd/mm/yyyy)- Ngày hết hạn của giấy phép (*Expiry date of transport permit*): (dd/mm/yyyy)5. Lý do xin gia hạn (*Reason for extension*):

.....

(Mô tả lý do không thể về nước theo quy định (*describe the reason of inability to timely return to its Home country*))

6. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày đến ngày

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in day(s), from (dd/mm/yyyy) until (dd/mm/yyyy)

7. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các Hiệp định ASEAN (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of ASEAN Agreement*).

....., ngày ... tháng ... năm

Place, (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn (Applicant name)Ký, ghi rõ họ và tên (*Signature & full name*)Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền
(*Driver, vehicle owner or authorized person*).

QUY TRÌNH 03**Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đăng ký bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu	01	Bản chính
02	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh	01	Bản sao
03	Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu	01	Bản chính
04	Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia	01	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ VIỆC

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ:	02 ngày làm việc kể từ	Không

63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	
-------------------------------------	---------------------------	--

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Đơn vị kinh doanh vận tải	Giờ hành chính	Theo mục I	Đơn vị kinh doanh vận tải theo mục I (nộp trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa – Sở GTVT TPHCM		BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo BM 03.
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải đường bộ	01 ngày làm việc (08 giờ)	-Hồ sơ theo mục I BM 01 -Dự thảo Thông báo bổ sung, thay thế	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ. - Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc văn bản từ chối	dự thảo Thông báo bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc văn bản từ chối cấp phép, nêu rõ lý do - Trình lãnh đạo Phòng xem xét
B4	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải đường bộ	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 -Dự thảo Thông báo bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc văn bản từ chối	- Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký nháy vào Thông báo bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển trình lãnh đạo Sở duyệt ký.
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	- Theo mục I BM 01 -Thông báo bổ sung, thay thế phương	Lãnh đạo Sở xem xét ký ban hành Thông báo bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc Văn

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc Văn bản từ chối	bản từ chối
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 -Thông báo bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc Văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> - Photo, đóng dấu Thông báo bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc Văn bản từ chối - Chuyển Thông báo bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở. - Chuyển hồ sơ theo mục I đến Phòng Quản lý Vận tải đường bộ
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đăng ký bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
5	BM 05	Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đăng ký bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
5	BM 05	Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
6	//	Sổ theo dõi hồ sơ
7	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Luật số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc Hội về Giao thông đường bộ.

- Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ ký ngày 17 tháng 01 năm 2013.

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

**TÊN ĐƠN VỊ KINH
DOANH VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐĂNG KÝ BỔ SUNG, THAY THỂ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:

.....

2. Địa chỉ:

.....

3. Số điện thoại: số Fax:

4. Đăng ký bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia như sau:

Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến:

.....

Bến đi: Bến đến:

.....

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình chạy xe:

5. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

STT	Biên kiểm soát	Tên chủ sở hữu	Mác xe	Trọng tải	Năm sản xuất

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia,

Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI** _____

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
CỔ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

1. Đặc điểm tuyến

Tên Tuyến: đi..... và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:
.....

Cự ly vận chuyển: km.

Lộ trình:
.....

2. Biểu đồ chạy xe

Số chuyến tài (nốt) trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:
.....

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:
.....

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

a) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe..... giờ.

b) Tốc độ lữ hành:.....km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường:..... phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường

a) Lướt đi từ Bên xe: đến Bên xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

b) Lướt về từ Bên xe đến Bên xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:

.....

- Điểm dừng thứ hai:

.....

- Điểm dừng thứ ba:

.....

c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

STT	Biển số xe	Trọng tải (Ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.

- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

-

-
c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

.....

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến:..... đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có):đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:

- Bán vé tại đại lý:..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng:

(địa chỉ trang web).

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

QUY TRÌNH 04**Điều chỉnh tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa
Việt Nam, Lào và Campuchia**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị điều chỉnh tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ VIỆC

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Đơn vị kinh doanh vận tải	Giờ hành chính	Theo mục I	Đơn vị kinh doanh vận tải theo mục I (nộp trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		BM 01 BM 02 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo BM 03.</p>
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải đường bộ	01 ngày làm việc (08 giờ)	<p>Theo mục I BM 01</p> <p>-Dự thảo Thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc văn bản từ chối</p>	<p>- Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, dự thảo Thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc văn bản từ chối cấp phép, nêu rõ lý do</p> <p>- Trình lãnh đạo Phòng xem xét</p>
B4	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải đường bộ	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	<p>Theo mục I BM 01</p> <p>-Dự thảo Thông báo</p>	- Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký nháy vào Thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc văn bản từ chối	vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển trình lãnh đạo Sở duyệt ký.
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 - Thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc Văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở xem xét ký ban hành Thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc Văn bản từ chối
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 - Thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên	- Photo, đóng dấu Thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc Văn bản từ chối - Chuyển Thông báo

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc Văn bản từ chối	điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở. - Chuyển hồ sơ theo mục I đến Phòng Quản lý Vận tải đường bộ
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4.	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị điều chỉnh tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị điều chỉnh tần suất chạy xe tuyến vận tải

		hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
5	//	Sổ theo dõi hồ sơ
6	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Luật số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc Hội về Giao thông đường bộ.

- Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ ký ngày 17 tháng 01 năm 2013.

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
TẶNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÓ ĐỊNH GIỮA
VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam, Lào và Campuchia do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số: Ngày cấp:
5. Kể từ ngày / /, ... (đơn vị kinh doanh vận tải) sẽ tặng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến
6. Danh sách/số chuyến xe tặng/giảm tần suất khai thác:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký đóng dấu)

QUY TRÌNH 05**Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ VIỆC

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Đơn vị kinh doanh vận tải	Giờ hành chính	Theo mục I	Đơn vị kinh doanh vận tải theo mục I (nộp trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		BM 01 BM 02 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo BM 03.</p>
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải đường bộ	01 ngày làm việc (08 giờ)	Theo mục I BM 01 -Dự thảo Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc văn bản từ chối	<p>- Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, dự thảo Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc văn bản từ chối cấp phép, nêu rõ lý do</p> <p>- Trình lãnh đạo Phòng xem xét</p>
B4	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải đường bộ	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 -Dự thảo Thông báo ngừng khai	- Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký nháy vào Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				thác tuyển vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc văn bản từ chối	Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển trình lãnh đạo Sở duyệt ký.
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 - Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc Văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở xem xét ký ban hành Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc Văn bản từ chối
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 - Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	- Photo, đóng dấu Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc Văn bản từ chối - Chuyển Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc Văn bản từ chối đến Bộ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				hoặc Văn bản từ chối	phận một cửa của Sở. - Chuyển hồ sơ theo mục I đến Phòng Quản lý Vận tải đường bộ
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
5		Sổ theo dõi hồ sơ
6		Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Luật số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc Hội về Giao thông đường bộ.

- Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ ký ngày 17 tháng 01 năm 2013.

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

BM 04

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM,
LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam, Lào và Campuchia do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số: Ngày cấp:
5. Kể từ ngày/...../.....,(đơn vị kinh doanh vận tải) sẽ ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.
6. Tên tuyến đề nghị ngừng khai thác:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký đóng dấu)

QUY TRÌNH 06

Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị gia hạn (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ VIỆC

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Đơn vị kinh doanh vận tải	Giờ hành chính	Theo mục I	Đơn vị kinh doanh vận tải theo mục I (nộp trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		BM 01 BM 02 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, hướng

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo BM 03.</p>
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải đường bộ	01 ngày làm việc (08 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối	<p>- Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp phép, nêu rõ lý do</p> <p>- Trình lãnh đạo Phòng xem xét</p>
B4	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải đường bộ	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo Giấy phép hoặc văn bản từ chối	<p>- Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký nháy vào giấy phép hoặc Văn bản từ chối.</p> <p>- Chuyển trình lãnh đạo Sở duyệt ký.</p>
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Giấy phép hoặc Văn	Lãnh đạo Sở xem xét ký ban hành giấy phép hoặc Văn bản từ chối

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				bản từ chối	
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Photo, đóng dấu giấy phép hoặc Văn bản từ chối - Chuyển giấy phép hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở. - Chuyển hồ sơ theo mục I đến Phòng Quản lý Vận tải đường bộ
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện

		tại Việt Nam
5	//	Sổ theo dõi hồ sơ
6	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Luật số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc Hội về Giao thông đường bộ.

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

BM 04

Mẫu số 12. Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence-Freedom-Happiness**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải
To: Department of Transport of..... province

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number): số Fax (Fax number)
4. Địa chỉ Email (Email address):
5. Giấy phép vận tải loại (Transport permit class...): được cấp bởi (issued by) vào ngày (on the date of)
6. Ngày hết hạn của Giấy phép vận tải (Expiry date of transport permit):

7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)...

8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày..... đến ngày

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from until

9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and China on cross-border transport*).

..., ngày ... tháng... năm...
Place, (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn
(Applicant Name)
(Ký, ghi rõ họ và tên)
(Signature and full name)

QUY TRÌNH 07**Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định GMS**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị gia hạn (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ VIỆC

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TP HCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Đơn vị kinh doanh vận tải	Giờ hành chính	Theo mục I	Đơn vị kinh doanh vận tải theo mục I (nộp trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		BM 01 BM 02 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>chưa hợp lệ, hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo BM 03.</p>
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải đường bộ	01 ngày làm việc (08 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối	<p>- Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp phép, nêu rõ lý do</p> <p>- Trình lãnh đạo Phòng xem xét</p>
B4	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải đường bộ	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo Giấy phép hoặc văn bản từ chối	<p>- Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký nháy vào giấy phép hoặc Văn bản từ chối.</p> <p>- Chuyển trình lãnh đạo Sở duyệt ký.</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Giấy phép hoặc Văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở xem xét ký ban hành giấy phép hoặc Văn bản từ chối
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Photo, đóng dấu giấy phép hoặc Văn bản từ chối - Chuyển giấy phép hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở. - Chuyển hồ sơ theo mục I đến Phòng Quản lý Vận tải đường bộ
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam
5	//	Sổ theo dõi hồ sơ
6	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Luật số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc Hội về Giao thông đường bộ.

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu số 06. Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải
 To: Department of Transport of..... province

1. Người xin gia hạn (*Applicant Name*):
2. Địa chỉ: (*Address*)
3. Số điện thoại: (*Telephone number*) Số Fax/Địa chỉ email: (*Fax number/Email address*)
4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of to extend the operation period in Viet Nam for the following vehicle(s):*
- Biển số xe (*Registration number*):
 - Giấy phép liên vận GSM số (*GMS Road Transport Permit number*) được cấp bởi (*issued by*) vào ngày (*on the date of*) (dd/mm/yyyy)
 - Ngày hết hạn của giấy phép (*Expiry date of transport permit*): (dd/mm/yyyy)
5. Lý do xin gia hạn (*Reason for extension*):

 (Mô tả lý do không thể về nước theo quy định (*describe the reason of inability to timely return to its Home country*))
6. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày đến ngày
- Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from (dd/mm/yyyy) until (dd/mm/yyyy)
7. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
- a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).
- b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Hiệp định GSM (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of GSM Agreement*).

....., ngày ... tháng ... năm ...

Place, (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn (Applicant name)

Ký, ghi rõ họ và tên (Signature & full name)
Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền
(Driver, vehicle owner or authorized person).

QUY TRÌNH 08**Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia
đối với phương tiện phi thương mại**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị Cấp, cấp lại Giấy phép (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm hợp đồng thuê phương tiện.	01	Bản sao
03	Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với trường hợp xe công vụ	01	Bản sao

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ VIỆC

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định ¹	Không

¹ Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong **thời hạn 01 ngày làm việc** kể từ ngày nhận hồ sơ.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Đơn vị kinh doanh vận tải	Giờ hành chính	Theo mục I	Đơn vị kinh doanh vận tải theo mục I (nộp trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo BM 03.
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải đường bộ	01 ngày làm việc (08 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ. - Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp phép, nêu rõ lý do - Trình lãnh đạo

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					Phòng xem xét
B4	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải đường bộ	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo Giấy phép hoặc văn bản từ chối	- Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký nháy vào giấy phép hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển trình lãnh đạo Sở duyệt ký.
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Giấy phép hoặc Văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở xem xét ký ban hành giấy phép hoặc Văn bản từ chối
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Photo, đóng dấu giấy phép hoặc Văn bản từ chối - Chuyển giấy phép hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở. - Chuyển hồ sơ theo mục I đến Phòng Quản lý Vận tải đường bộ
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ

3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại
5	//	Sổ theo dõi hồ sơ
6	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Luật số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc Hội về Giao thông đường bộ.

- Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ký ngày 01 tháng 6 năm 1999 và Nghị định thư sửa đổi, Nghị định thư thực hiện Hiệp định.

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

BM 04

Mẫu số 05. Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) do cấp số:..... ngày cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									

....., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

QUY TRÌNH 09**Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình dự án hoặc hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tại Lào**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị Cấp, cấp lại Giấy phép (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân	01	Bản sao
03	Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác);	01	Bản sao
04	Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào).	01	Bản sao

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ VIỆC

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định ¹	Không

¹ Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ trong **thời hạn 01 ngày làm việc** kể từ ngày nhận hồ sơ.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Đơn vị kinh doanh vận tải	Giờ hành chính	Theo mục I	Đơn vị kinh doanh vận tải theo mục I (nộp trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo BM 03.
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyên giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải đường bộ	01 ngày làm việc (08 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ. - Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp phép, nêu rõ lý do

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					- Trình lãnh đạo Phòng xem xét
B4	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải đường bộ	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo Giấy phép hoặc văn bản từ chối	- Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký nháy vào giấy phép hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển trình lãnh đạo Sở duyệt ký.
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Giấy phép hoặc Văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở xem xét ký ban hành giấy phép hoặc Văn bản từ chối
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Photo, đóng dấu giấy phép hoặc Văn bản từ chối - Chuyển giấy phép hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở. - Chuyển hồ sơ theo mục I đến Phòng Quản lý Vận tải đường bộ
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào
5	//	Sổ theo dõi hồ sơ
6	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Luật số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc Hội về Giao thông đường bộ.

- Nghị định thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt

Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 15 tháng 9 năm 2010.

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

BM 04

Mẫu số 05. Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN
PHI THƯƠNG MẠI VÀ PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN HOẶC
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TẠI LÀO

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số Ngày cấp cơ quan cấp phép (đối với phương tiện phục vụ các công trình dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào)
5. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) do cấp số: Ngày cấp:
6. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyên hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

7. Mục đích chuyên đi

a) Công vụ:

b) Cá nhân:

c) Hoạt động kinh doanh:

d) Mục đích khác

....., ngày ... tháng ... năm...

Tổ chức/Cá nhân

Ký tên, đóng dấu (nếu có)

QUY TRÌNH 10**Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào
cho phương tiện thương mại**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị Cấp, cấp lại Giấy phép (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.	01	Bản sao
03	Văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào).	01	Bản sao

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ VIỆC

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định ¹	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Đơn vị kinh doanh vận tải	Giờ hành chính	Theo mục I	Đơn vị kinh doanh vận tải theo mục I (nộp trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo BM 03.
B2	Tiếp nhận hồ sơ,	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc	Theo mục I BM 01	Chuyên giao hồ sơ đến Phòng chuyên

¹ Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ trong **thời hạn 01 ngày làm việc** kể từ ngày nhận hồ sơ.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	chuyên phòng chuyên môn		(02 giờ)		môn
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải đường bộ	01 ngày làm việc (08 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ. - Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp phép, nêu rõ lý do - Trình lãnh đạo Phòng xem xét
B4	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải đường bộ	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo Giấy phép hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký nháy vào giấy phép hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển trình lãnh đạo Sở duyệt ký.
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Giấy phép hoặc Văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở xem xét ký ban hành giấy phép hoặc Văn bản từ chối
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Photo, đóng dấu giấy phép hoặc Văn bản từ chối - Chuyển giấy phép hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					của Sở. - Chuyển hồ sơ theo mục I đến Phòng Quản lý Vận tải đường bộ
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại
5	//	Sổ theo dõi hồ sơ
6	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Luật số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc Hội về Giao thông đường bộ.

- Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 15 tháng 9 năm 2010.

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

BM 04

Mẫu số 04. Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN
TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN
THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:

- Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào do cấp số Ngày cấp
- Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho các phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghê)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biên kiểm soát thay thế phương tiện có biên kiểm soát

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định

b) Khách du lịch:

c) Hành khách theo hợp đồng:

d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: đi và ngược lại

Bên đi: Bên xe (thuộc tỉnh: Việt Nam)

Bên đến: Bên xe (thuộc tỉnh: Lào)

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình tuyến đường:

Đã được thông báo khai thác tuyến tại công văn số Ngày

..., ngày... tháng ... năm...

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

QUY TRÌNH 11**Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị gia hạn (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ VIỆC

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Đơn vị kinh doanh vận tải	Giờ hành chính	Theo mục I	Đơn vị kinh doanh vận tải theo mục I (nộp trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		BM 01 BM 02 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, hướng

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>đẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo BM 03.</p>
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyên phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải đường bộ	01 ngày làm việc (08 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối	<p>- Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp phép, nêu rõ lý do</p> <p>- Trình lãnh đạo Phòng xem xét</p>
B4	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải đường bộ	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo Giấy phép hoặc văn bản từ chối	<p>- Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký nháy vào giấy phép hoặc Văn bản từ chối.</p> <p>- Chuyển trình lãnh đạo Sở duyệt ký.</p>
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Giấy phép	Lãnh đạo Sở xem xét ký ban hành giấy phép hoặc

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
			(02 giờ)	hoặc Văn bản từ chối	Văn bản từ chối
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Photo, đóng dấu giấy phép hoặc Văn bản từ chối - Chuyển giấy phép hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở. - Chuyển hồ sơ theo mục I đến Phòng Quản lý Vận tải đường bộ
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ

3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam
5	//	Sổ theo dõi hồ sơ
6	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Luật số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc Hội về Giao thông đường bộ.

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu số 07. Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

To: Department of Transport of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):

2. Địa chỉ (Address):

3. Số điện thoại (Telephone number): số Fax.....

(Fax number)

4. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào số (Laos - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): được cấp bởi (issued by) vào ngày (on the date of)

5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):....

6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)...

7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày ... đến ngày

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from until

8. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Lào (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Laos on cross-border transport*).

....., ngày ... tháng ... năm...

Place, (dd/mm/yyyy)

**Người xin gia hạn
(Applicant Name)**

(Ký, ghi rõ họ và tên)
(Signature and full name)

QUY TRÌNH 12

Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị gia hạn (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ VIỆC

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Đơn vị kinh doanh vận tải	Giờ hành chính	Theo mục I	Đơn vị kinh doanh vận tải theo mục I (nộp trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		BM 01 BM 02 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo BM 03.
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải đường bộ	01 ngày làm việc (08 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ. - Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp phép, nêu rõ lý do - Trình lãnh đạo Phòng xem xét
B4	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải đường bộ	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo Giấy phép hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký nháy vào giấy phép hoặc Văn bản từ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					chối. - Chuyển trình lãnh đạo Sở duyệt ký.
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Giấy phép hoặc Văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở xem xét ký ban hành giấy phép hoặc Văn bản từ chối
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Photo, đóng dấu giấy phép hoặc Văn bản từ chối - Chuyển giấy phép hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở. - Chuyển hồ sơ theo mục I đến Phòng Quản lý Vận tải đường bộ
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ

4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam
---	-------	--------------------------------------------------------------------------

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam
5	//	Sổ theo dõi hồ sơ
6	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Luật số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc Hội về Giao thông đường bộ.

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

BM 04

Mẫu số 08. Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

To: Department of Transport of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):

2. Địa chỉ (Address):

3. Số điện thoại (Telephone number): số Fax (Fax number)

4. Địa chỉ Email (Email address):

5. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia số (Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): được cấp bởi (issued by) vào ngày (on the date of)

6. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport pennit):

7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)....

8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày đến ngày

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from until

9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Campuchia (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Cambodia on cross-border transport*).

....., ngày ... tháng ... năm ...

Place, (dd/mm/yyyy)

**Người xin gia hạn
(Applicant Name)**

(Ký, ghi rõ họ và tên)
(Signature and full name)

QUY TRÌNH 13**Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
cho phương tiện vận tải hành khách tuyến cố định**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị Cấp, cấp lại Giấy phép (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh	01	Bản sao
03	Văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào, Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia).	01	Bản sao

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ VIỆC

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định ¹	Không

¹ Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Đơn vị kinh doanh vận tải	Giờ hành chính	Theo mục I	Đơn vị kinh doanh vận tải theo mục I (nộp trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo BM 03.
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTTC	Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải đường bộ	01 ngày làm việc (08 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ. - Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp

đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong **thời hạn 01 ngày làm việc**, kể từ ngày nhận hồ sơ.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					lý, dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp phép, nêu rõ lý do - Trình lãnh đạo Phòng xem xét
B4	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải đường bộ	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo Giấy phép hoặc văn bản từ chối	- Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký nháy vào giấy phép hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển trình lãnh đạo Sở duyệt ký.
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Giấy phép hoặc Văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở xem xét ký ban hành giấy phép hoặc Văn bản từ chối
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Photo, đóng dấu giấy phép hoặc Văn bản từ chối - Chuyển giấy phép hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở. - Chuyển hồ sơ theo mục I đến Phòng Quản lý Vận tải đường bộ
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại
5	//	Sổ theo dõi hồ sơ
6	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Luật số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc Hội về Giao thông đường bộ.

- Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ ký ngày 17 tháng 01 năm 2013.

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

BM 04

Mẫu số 01. Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA CHO
PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số: ngày cấp: Cơ quan cấp:
5. Đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch:
c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: đi và ngược lại

Bên đi: Bên xe (thuộc tỉnh: Việt Nam)

Bên đến: Bên xe (thuộc tỉnh:)

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình tuyến đường:

Đã được thông báo khai thác tuyến tại công văn số, ngày ... tháng ... năm ...

....., ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

QUY TRÌNH 14**Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
cho phương tiện phi thương mại**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị Cấp, cấp lại Giấy phép (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó	01	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu
03	Đối với doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia	01	Bản sao có chứng thực

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ VIỆC

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định ¹	Không

¹ Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong **thời hạn 01 ngày làm việc**, kể từ ngày nhận hồ sơ.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Đơn vị kinh doanh vận tải	Giờ hành chính	Theo mục I	Đơn vị kinh doanh vận tải theo mục I (nộp trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo BM 03.
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải đường bộ	01 ngày làm việc (08 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ. - Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp phép, nêu rõ lý

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					do - Trình lãnh đạo Phòng xem xét
B4	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải đường bộ	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo Giấy phép hoặc văn bản từ chối	- Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký nháy vào giấy phép hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển trình lãnh đạo Sở duyệt ký.
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Giấy phép hoặc Văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở xem xét ký ban hành giấy phép hoặc Văn bản từ chối
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Photo, đóng dấu giấy phép hoặc Văn bản từ chối - Chuyển giấy phép hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở. - Chuyển hồ sơ theo mục I đến Phòng Quản lý Vận tải đường bộ
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại
5	//	Sổ theo dõi hồ sơ
6	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Luật số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc Hội về Giao thông đường bộ.

- Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ ký ngày 17 tháng 01 năm 2013.

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

BM 04

Mẫu số 02. Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ
NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA CHO
PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số: Ngày cấp: Cơ quan cấp:

5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất-nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ: b) Cá nhân:

c) Phục vụ hoạt động của tổ chức/cá nhân: d) Mục đích khác:

.....ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

QUY TRÌNH 15**Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị gia hạn (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ VIỆC

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Đơn vị kinh doanh vận tải	Giờ hành chính	Theo mục I	Đơn vị kinh doanh vận tải theo mục I (nộp trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		BM 01 BM 02 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>hoặc chưa hợp lệ, hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo BM 03.</p>
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải đường bộ	01 ngày làm việc (08 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối	<p>- Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp phép, nêu rõ lý do</p> <p>- Trình lãnh đạo Phòng xem xét</p>
B4	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải đường bộ	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo Giấy phép hoặc văn bản từ chối	<p>- Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký nháy vào giấy phép hoặc Văn bản từ chối.</p> <p>- Chuyển trình lãnh đạo Sở duyệt ký.</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Giấy phép hoặc Văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở xem xét ký ban hành giấy phép hoặc Văn bản từ chối
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Photo, đóng dấu giấy phép hoặc Văn bản từ chối - Chuyển giấy phép hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở. - Chuyển hồ sơ theo mục I đến Phòng Quản lý Vận tải đường bộ
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam
5	//	Sổ theo dõi hồ sơ
6	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Luật số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc Hội về Giao thông đường bộ.

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu số 05. Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

To: Department of Transport of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):

2. Địa chỉ (Address):

3. Số điện thoại (Telephone number): số Fax (Fax number)

4. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia số (Laos - Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): được cấp bởi (issued by) vào ngày (on the date of)

5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):....

6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)

7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày đến ngày

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from until

8. Chúng tôi xin cam kết (We commit):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties among Viet Nam, Laos and Cambodia on cross-border transport).

....., ngày ... tháng ... năm ...

Place,.. (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn
(Applicant Name)

(Ký, ghi rõ họ và tên)
 (Signature and full name)

QUY TRÌNH 16**Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa****Việt Nam, Lào và Campuchia**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu	01	Bản chính
02	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh	01	Bản sao
03	Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu	01	Bản chính
04	Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia	01	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ VIỆC

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Đơn vị kinh doanh vận tải	Giờ hành chính	Theo mục I	Đơn vị kinh doanh vận tải theo mục I (nộp trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo BM 03.
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải đường bộ	01 ngày làm việc (08 giờ)	-Hồ sơ theo mục I BM 01 -Dự thảo Thông báo bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc văn bản từ chối	- Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ. - Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, dự thảo Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc văn bản từ chối cấp phép, nêu rõ lý do - Trình lãnh đạo Phòng xem xét
B4	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải đường bộ	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	-Theo mục I BM 01 -Dự thảo Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc văn bản từ chối	- Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký nháy vào Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển trình lãnh đạo Sở duyệt ký.
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	-Hồ sơ theo mục I BM 01 -Thông báo khai	Lãnh đạo Sở xem xét ký ban hành Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				thác tuyển vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc Văn bản từ chối	hoặc Văn bản từ chối
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	-Hồ sơ theo mục I BM 01 -Thông báo khai thác tuyển vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc Văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> - Photo, đóng dấu Thông báo khai thác tuyển vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc Văn bản từ chối - Chuyển Thông báo khai thác tuyển vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở. - Chuyển hồ sơ theo mục I đến Phòng Quản lý Vận tải đường bộ
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
5	BM 05	Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
5	BM 05	Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
6	//	Sổ theo dõi hồ sơ
7	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Luật số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc Hội về Giao thông đường bộ.

- Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ ký ngày 17 tháng 01 năm 2013.

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

BM 04

**Mẫu Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam,
Lào và Campuchia**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH
DOANH VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN, BỔ SUNG, THAY THẾ
PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA
VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:

.....

2. Địa chỉ:

.....

3. Số điện thoại: số Fax:

4. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia như sau:

Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến:

.....

Bến đi: Bến đến:

.....

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình chạy xe:

5. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

STT	Biên kiểm soát	Tên chủ sở hữu	Mác xe	Trọng tải	Năm sản xuất

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

- a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định;
- b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

BM 05

**Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa
Việt Nam, Lào và Campuchia**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

8. Đặc điểm tuyến

Tên Tuyến: đi.....và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển: km.

Lộ trình:

9. Biểu đồ chạy xe

Số chuyến tài (nốt) trongngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúcgiờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúcgiờ.

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúcgiờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúcgiờ.

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe..... giờ.

d) Tốc độ lữ hành:.....km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường:..... phút.

10. Các điểm dừng nghỉ trên đường

a) Lướt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tình lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

d) Lướt về từ Bến xe đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tình lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

e) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm.

11. Phương tiện bố trí trên tuyến

STT	Biển số xe	Trọng tải (Ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

12. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

d) Số lượng:

e) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.

- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

-

-

Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-

13. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

.....

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

.....

14. Giá vé

c) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến:..... đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có):đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.
 Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:

- Bán vé tại đại lý:..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng:

(địa chỉ trang web).

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

QUY TRÌNH 17**Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị Cấp giấy phép kinh doanh (theo mẫu)	01	Bản chính
Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã			
1	Văn bản, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải.	01	Bản sao
2	Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử).	01	Bản sao hoặc bản chính
Đối với hộ gia đình			
1	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	01	Bản sao

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ VIỆC

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định ¹	Không

¹ Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Đơn vị kinh doanh vận tải	Giờ hành chính	Theo mục I	Đơn vị kinh doanh vận tải theo mục I (nộp trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo BM 03.
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn

sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong **thời hạn 03 ngày làm việc**, kể từ ngày nhận hồ sơ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải đường bộ	3,25 ngày làm việc (26 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ. - Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp phép, nêu rõ lý do - Trình lãnh đạo Phòng xem xét
B4	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải đường bộ	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo Giấy phép hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký nháy vào giấy phép hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển trình lãnh đạo Sở duyệt ký.
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01 Giấy phép hoặc Văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở xem xét ký ban hành giấy phép hoặc Văn bản từ chối
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Photo, đóng dấu giấy phép hoặc Văn bản từ chối - Chuyển giấy phép hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở. - Chuyển hồ sơ theo mục I đến Phòng Quản lý Vận tải đường bộ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.
5	//	Sổ theo dõi hồ sơ
6	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP

ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Luật số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc Hội về Giao thông đường bộ.

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

BM 04

PHỤ LỤC I**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**
(Kèm theo Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ)**TÊN ĐƠN VỊ KDVT:****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:
do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....; Mã số thuế:
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
-
-
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyển cố định, xe buýt, xe taxi)
Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:
- Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).
11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

QUY TRÌNH 18**Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải do thay đổi nội dung ghi trong****Giấy phép kinh doanh vận tải**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị Cấp lại giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh quy định tại khoản 2 Điều 17 của Nghị định 10/2020/NĐ-CP (việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).	01	Bản sao hoặc bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ VIỆC

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định ¹	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Đơn vị kinh doanh vận tải	Giờ hành chính	Theo mục I	Đơn vị kinh doanh vận tải theo mục I (nộp trực tiếp, trực tuyến, đường bưu

¹ Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong **thời hạn 03 ngày làm việc**, kể từ ngày nhận hồ sơ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					chính)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo BM 03.
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải đường bộ	3,25 ngày làm việc (26 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ. - Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp phép, nêu rõ lý do - Trình lãnh đạo Phòng xem xét

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B4	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải đường bộ	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo Giấy phép hoặc văn bản từ chối	- Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký nháy vào giấy phép hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển trình lãnh đạo Sở duyệt ký.
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01 Giấy phép hoặc Văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở xem xét ký ban hành giấy phép hoặc Văn bản từ chối
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Photo, đóng dấu giấy phép hoặc Văn bản từ chối - Chuyển giấy phép hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở. - Chuyển hồ sơ theo mục I đến Phòng Quản lý Vận tải đường bộ
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải

		bằng xe ô tô.
--	--	---------------

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.
5	//	Sổ theo dõi hồ sơ
6	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Luật số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc Hội về Giao thông đường bộ.

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

PHỤ LỤC I**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**
(Kèm theo Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ)

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:
do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....; Mã số thuế:
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
-
-
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyển cố định, xe buýt, xe taxi)
Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:
- Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).
11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT
(Ký tên, đóng dấu)**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

QUY TRÌNH 19

Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải do bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị Cấp giấy phép kinh doanh (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Tài liệu chứng minh việc khắc phục vi phạm là nguyên nhân bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh	01	Bản chính
Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã			
1	Văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải	01	Bản sao
2	Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử).	01	Bản sao hoặc bản chính
Đối với hộ kinh doanh			
1	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	01	Bản sao

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ VIỆC

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định ¹	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Đơn vị kinh doanh vận tải	Giờ hành chính	Theo mục I	Đơn vị kinh doanh vận tải theo mục I (nộp trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo BM 03.
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn

¹ Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong **thời hạn 03 ngày làm việc**, kể từ ngày nhận hồ sơ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	phòng chuyên môn				
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải đường bộ	3,25 ngày làm việc (26 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ. - Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp phép, nêu rõ lý do - Trình lãnh đạo Phòng xem xét
B4	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải đường bộ	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01 Dự thảo Giấy phép hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký nháy vào giấy phép hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển trình lãnh đạo Sở duyệt ký.
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01 Giấy phép hoặc Văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở xem xét ký ban hành giấy phép hoặc Văn bản từ chối
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Photo, đóng dấu giấy phép hoặc Văn bản từ chối - Chuyển giấy phép hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					của Sở. - Chuyển hồ sơ theo mục I đến Phòng Quản lý Vận tải đường bộ
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.
5	//	Sổ theo dõi hồ sơ
6	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Luật số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc Hội về Giao thông đường bộ.

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

PHỤ LỤC I**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**
(Kèm theo Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ)

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:
do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....; Mã số thuế:
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
-
-
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyển cố định, xe buýt, xe taxi)
Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:
- Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).
11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT
(Ký tên, đóng dấu)**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

QUY TRÌNH 20**Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải do bị mất hoặc bị hư hỏng**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị Cấp lại Giấy phép kinh doanh (theo mẫu)	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ VIỆC

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định ¹	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Đơn vị kinh doanh vận tải	Giờ hành chính	Theo mục I	Đơn vị kinh doanh vận tải theo mục I (nộp trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		BM 01 BM 02 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ theo BM 01, thực

¹ Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong **thời hạn 02 ngày làm việc**, kể từ ngày nhận hồ sơ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>hiện tiếp bước B2.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo BM 03.
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn
B3	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải đường bộ	1,25 ngày làm việc (10 giờ)	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - Dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối 	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ. - Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp phép, nêu rõ lý do - Trình lãnh đạo Phòng xem xét
B4	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải đường bộ	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - Dự thảo Giấy phép hoặc văn bản từ chối 	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký nháy vào giấy phép hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển trình lãnh đạo Sở duyệt ký.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	- Theo mục I -Giấy phép hoặc Văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở xem xét ký ban hành giấy phép hoặc Văn bản từ chối
B6	Ban hành văn bản	Văn thư Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	- Theo mục I -Giấy phép hoặc Văn bản từ chối	- Photo, đóng dấu giấy phép hoặc Văn bản từ chối - Chuyển giấy phép hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở. - Chuyển hồ sơ theo mục I đến Phòng Quản lý Vận tải đường bộ
B7	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.
5		Sổ theo dõi hồ sơ
6		Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Luật số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc Hội về Giao thông đường bộ.

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

BM 04

PHỤ LỤC I**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**
(Kèm theo Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ)

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:
do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....; Mã số thuế:
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
-
-
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyển cố định, xe buýt, xe taxi)
Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:
- Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).
11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng